

UBND THỊ XÃ BỈM SƠN
HỘI ĐỒNG BTGPMB

Số: 1241 /TTr - HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bỉm Sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn.

Căn cứ Quyết định số: 1283/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc Kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa;

Theo nội dung kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa số: 231 /KQTDPA-TNMT ngày 28/6/2017 của phòng Tài nguyên & MT thị xã Bỉm Sơn;

Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án trình Chủ tịch UBND thị xã quyết định phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung sau:

I. Các căn cứ đề nghị điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ GPMB:

Căn cứ Quyết định số: 171/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư GPMB thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa;

Theo nội dung phương án số 59/PA-HĐBTGPMB ngày 12/01/2017 của Hội đồng bồi thường GPMB thị xã Bỉm Sơn;

Theo nội dung Biên bản họp giải quyết kiến nghị của Hội đồng bồi thường GPMB thị xã Bỉm Sơn đối với người bị ảnh hưởng thu hồi đất thực hiện dự án tại biên bản làm việc ngày 10/5/2017,

II. Về nội dung điều chỉnh đề nghị điều chỉnh:



Tại Điều 1 Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND thị xã Bim Sơn ghi:

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các gia đình bị ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quang, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa (30 hộ đất lúa thôn 3, thôn 4 và thôn 6), với những nội dung sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 1.496.476.119 đ
(Một tỷ, bốn trăm chín sáu triệu, bốn trăm bảy sáu nghìn, một trăm mười chín đồng)

Trong đó:

1.1 Kinh phí chi trả trực tiếp: 1.467.133.450 đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 1.419.763.750 đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 47.369.700 đ

1.2 Kinh phí phục vụ cho công tác bồi thường GPMB: 29.342.669đ

- 2% kinh phí HD: 29.342.669đ.

(Có Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên.

3. Bố trí tái định cư: Không.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.

* Nay đề nghị xin điều chỉnh như sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 1.475.927.454 đ
(Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm hai bảy nghìn, bốn trăm năm mươi tư đồng)

Trong đó:

1.1. Kinh phí chi trả trực tiếp: 1.446.987.700đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 1.399.636.000đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 47.351.700đ

1.2. Kinh phí phục vụ cho công tác bồi thường GPMB: 28.939.754đ

- Kinh phí HD 2%: 28.939.754đ

(Có Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên.

3. Bố trí tái định cư: Không.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.

5. Lý do xin điều chỉnh: Xác định lại diện tích, loại đất thu hồi của hộ gia đình bà Tống Thị Lài, địa chỉ: Thôn 6, xã Quang Trung (theo biên bản làm việc giải quyết kiến nghị giữa Hội đồng BT GPMB, UBND xã Quang Trung và hộ gia đình ngày 10/5/2017) và do theo hồ sơ trích đo mới thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị Quà không ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt

tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa.

6. Về các nội dung khác của các Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND thị xã Bim Sơn: Không thay đổi.

Hội đồng bồi thường GPMB dự án trình Chủ tịch UBND Thị xã phê duyệt./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu :VT, HĐBT.



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ
Tống Thanh Bình**



BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TẠO ĐỊNH CƯ GPMB

Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa. (30 hộ đất lúa thôn 3, thôn 4 và thôn 6)
 (Kèm theo Tờ trình số 2017/TT-TT-HDBT ngày 10/7/2017 của Hội đồng BTGPMB Thị xã Bim Sơn)

ĐVT: VNĐ

ST T	Trường hợp ảnh hưởng	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Số thửa	Số tờ	Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất			Số tiền bồi thường, hỗ trợ về cây hoa màu (đ)	Tổng tiền (đ)	
						Bồi thường về đất	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất			Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất
1	Ông Tống Quang Huy Phạm Thị Cồn	Thôn 3	16.6	44	2	780.200	1.170.300	0	1.950.500	74.700	2.025.200
2	Bà Mai Thị Tư	Thôn 3	6.0	1	5	282.000	423.000	0	705.000	27.000	732.000
3	Ông Trương Văn Tự Bà Đặng Thị Bé	Thôn 3	150.4	16	5	7.068.800	10.603.200	0	17.672.000	676.800	18.348.800
4	Bà Dương Thị Nghĩa	Thôn 3	81.3	6	5	3.821.100	5.731.650	0	9.552.750	365.850	9.918.600
5	Ông Đào Trọng Chiến Bà Dương Thị Kỳ	Thôn 3	52.9	15	5	2.486.300	3.729.450	0	6.215.750	238.050	6.453.800
6	Ông Dương Văn Kết Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thôn 3	2.1	5	5	98.700	148.050	0	246.750	9.450	256.200
7	Ông Trương Văn Dẫn Bà Phạm Thị Sâm	Thôn 3	1.4	17	5	65.800	98.700	0	164.500	6.300	170.800
8	Ông Vũ Văn Quyên Bà Lê Thị Tròn	Thôn 3	94.5	14	5	4.441.500	6.662.250	0	11.103.750	425.250	11.529.000
9	Ông Dương Văn Đoàn Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu	Thôn 3	2.2	4	5	103.400	155.100	0	258.500	9.900	268.400
10	Ông Dương Văn Tuấn Bà Mai Thị Lan	Thôn 3	1659.8	12	5	78.010.600	117.015.900	14.040.000	209.066.500	7.469.100	216.535.600
11	Ông Nguyễn Văn Họa Bà Dương Thị Sáu	Thôn 3	2009.7	7	5	94.455.900	141.683.850	16.380.000	252.519.750	9.043.650	261.563.400
12	Ông Dương Văn Đỗ Bà Trương Thị Khâm	Thôn 3	2.4	3	5	112.800	169.200	0	282.000	10.800	292.800

13	Ông Vũ Bá Tuyên Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thôn 6	661	7	3	31.067.000	46.600.500	11.700.000	89.367.500	2.974.500	92.342.000
14	Ông Đặng Văn Nam Bà Mai Thị Tĩnh	Thôn 6	639.9	13	4	30.075.300	45.112.950	11.700.000	86.888.250	2.879.550	89.767.800
15	Ông Đặng Văn Toàn Bà Lê Thị Lý	Thôn 6	92.3	6	2	9.282.500	13.923.750	0	23.206.250	888.750	24.095.000
			105.2	12	1						
16	Bà Vũ Thị Nho	Thôn 6	291.9	8	3	13.719.300	20.578.950	4.680.000	38.978.250	1.313.550	40.291.800
17	Ông Trần Hải Nhường Bà Nguyễn Thị Kỳ	Thôn 6	714.1	17	3	33.562.700	50.344.050	4.680.000	88.586.750	3.213.450	91.800.200
18	Ông Phạm Văn Tân Bà Khiếu Thị Nga	Thôn 6	725.8	3	3	34.112.600	51.168.900	11.700.000	96.981.500	3.266.100	100.247.600
			477.4	29	2						
19	Ông Đặng Xuân Hùng Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thôn 6	552.8	6	4	48.419.400	72.629.100	0	121.048.500	4.635.900	125.684.400
			35.8	18	2						
20	Bà Tống Thị Lài	Thôn 6	592.6	61	2	29.534.800	44.302.200	2.340.000	76.177.000	161.100	76.338.100
			7.8	37	2						
21	Bà Cao Thị Cẩm	Thôn 6	643.5	26	4	30.611.100	45.916.650	7.020.000	83.547.750	2.930.850	86.478.600
			406.5	18	3						
22	Ông Trần Văn Trường Bà Nguyễn Thị Loan	Thôn 6	406.5	18	3	19.105.500	28.658.250	9.360.000	57.123.750	1.829.250	58.953.000
23	Ông Nguyễn Tiến Lăng Bà Đặng Thị Mai	Thôn 6	22.1	40	2	1.038.700	1.558.050	0	2.596.750	99.450	2.696.200
			57.3	11	2						
24	Bà Mai Thị Nga	Thôn 6	11.5	18	4	17.907.000	26.860.500	0	44.767.500	1.714.500	46.482.000
			312.2	22	4						
25	Ông Mai Quốc Cao Bà Bùi Thị Bôn	Thôn 6	28.2	22	2	1.325.400	1.988.100	0	3.313.500	126.900	3.440.400
26	Bà Nguyễn Thị Quả	Thôn 6	0	33	2	0	0	0	0	0	0
27	Ông Nguyễn Văn Tuấn Bà Đặng Thị Lý	Thôn 6	165.5	37	1	7.778.500	11.667.750	0	19.446.250	744.750	20.191.000
			128.5	23	7						
28	Bà Vũ Thị Hoa	Thôn 4	128.5	23	7	6.039.500	9.059.250	0	15.098.750	578.250	15.677.000
29	Ông Nguyễn Xuân Trinh Bà Nguyễn Thị Thủy	Thôn 4	338.5	3	9	15.909.500	23.864.250	0	39.773.750	1.523.250	41.297.000
			25.5	39	7						
30	Bà Lê Thị Thúy Kiều	Thôn 4	25.5	39	7	1.198.500	1.797.750	0	2.996.250	114.750	3.111.000
	Cộng		11.115.2			522.414.400	783.621.600	93.600.000	1.399.636.000	47.351.700	1.446.987.700
	Kinh phí HD 2%										28.939.754
	Tổng cộng										1.475.927.454

(Một tỷ, bốn trăm bảy lăm triệu, chín trăm hai bảy nghìn, bốn trăm năm tư đồng).